

Bản án số: 166/2024/DS-PT

Ngày 12/7/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Chơn.

Ông Nguyễn Như Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 5 và 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09A/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đoàn Vũ Đ, sinh năm: 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đoàn Vũ Đ1, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Chị Huỳnh Ánh H, sinh năm: 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Tổ E, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H: Luật sư Dương Minh B, thành viên Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K.

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Duy C, sinh năm: 1962. Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Chị Huỳnh Ánh H - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Vũ Đ và đại diện nguyên đơn anh Đoàn Vũ Đ1 trình bày và yêu cầu như sau:

Do có quen biết nhau từ trước nên trong năm 2021, ông Đoàn Vũ Đ có đi hỏi vay tiền của những người khác dùm cho chị Huỳnh Ánh H nhiều lần với tổng số tiền vay gốc là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng). Việc giao nhận tiền nhiều lần giữa 02 bên thì ông Đ không yêu cầu chị H làm biên nhận. Cụ thể từng lần chị H nhận tiền như sau:

- Lần 1: Vào khoảng tháng 11/2021, chị H nói cần tiền để đáo hạn ngân hàng HD (tại huyện A) và nhờ ông Đ vay dùm số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), hạn từ 03 đến 04 ngày sẽ trả lại tiền gốc và tiền lãi. Do đó, ông Đ đến hỏi vay của ông Nguyễn Duy C số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), trả tiền lãi cho ông C mỗi ngày là 5.000 đồng/01 triệu đồng. Ông Đ chở chị H lại nhà ông C nhận tiền và chị H là người đếm tiền. Số tiền vay này có làm biên nhận, hiện nay đã trả cho ông C xong và biên nhận nợ này đã được xé bỏ.

- Lần 2: Do đến hạn trả tiền cho ông C (số tiền vay của lần 1), chị H không có tiền trả nên tiếp tục nhờ ông Đ vay của ông Ba K (là cha ruột anh Đinh Khắc D) số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) để chị H trả tiền cho ông C. Số tiền vay này ông Đ nhận tiền và có viết biên nhận cho ông Ba K, thỏa thuận tiền lãi mỗi ngày là 5.000 đồng/01 triệu đồng. Sau đó, ông Đ chở chị H đến nhà ông C để trả tiền vào ngày 12/11/2021, chị H trực tiếp nhận tiền từ ông Đ và dùng số tiền này để trả tiền gốc và tiền lãi cho ông C, số tiền còn lại chị H cất giữ.

- Lần 3: Ngày 19/11/2021, chị H tiếp tục nhờ ông Đ vay của ông Ba K thêm số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để chị H trả tiền lãi cho Ngân hàng. Sau khi vay tiền thì ông Đ có viết biên nhận cho ông Ba K và đem số tiền vay này về giao lại cho chị H tại Bưu Điện huyện C.

- Lần 4: Chị H nhờ ông Đ vay của ông C số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) để đáo hạn Ngân hàng ở A nên ông Đ đồng ý hỏi vay của ông C và được ông C đồng ý, tiền lãi thỏa thuận mỗi ngày là 5.000 đồng/01 triệu đồng, thời hạn từ 03 đến 04 ngày sẽ trả lại tiền gốc và tiền lãi. Ngày 29/11/2021, ông Đ và chị H đến nhà ông C nhận tiền và làm biên nhận. Chị H là người trực tiếp nhận tiền và có ký tên vào biên nhận, biên nhận này do ông C giữ.

- Lần 5: Ông Đ không nhớ rõ ngày tháng, chị H có nhờ ông Đ vay của ông M số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để chị H trả tiền cho anh T ở M, sau khi nhận tiền của ông M, ông Đ giao tiền lại cho chị H tại chợ M1.

Trong 02 lần ông Đ hỏi vay tiền của ông Ba K thì ông Đ có làm biên nhận nợ nhưng ông Ba K giao số tiền nợ này lại cho con trai ông là Đinh Khắc D nên ông Đ đã viết lại biên nhận nợ cho anh D với tổng số tiền mà ông Đ hỏi vay là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và 02 biên nhận viết cho ông Ba K đã được xé bỏ.

Những lần chị H nhờ ông D vay tiền và khi chị H nhận tiền từ ông D thì ông D không có yêu cầu chị H viết biên nhận nợ. Số tiền chị H nhờ ông D vay từ ông C, ông Ba K và ông M tổng cộng là 1.350.000.000 đồng (Một tỷ, ba trăm, năm mươi triệu đồng). Đồng thời, khi đến hạn trả tiền gốc và tiền lãi nhưng chị H không có trả đầy đủ nên ông D phải vay tiền của những người khác số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) để trả tiền lãi cho ông C và ông Ba K. Ông D có nhắc nhở chị H nhiều lần nhưng chị H hên hết lần này đến lần khác vẫn không trả cho ông D.

Đến ngày 01/01/2022, giữa ông D, chị H và ông C có thỏa thuận, chị H vay của ông C số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) để chị H trả cho ông D số tiền 1.440.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng), việc thỏa thuận vay tiền này có làm “Hợp đồng vay vốn” do ông C viết. Chị H tự viết nội dung và ký, ghi họ tên ở phần người vay “hiện tại thì chưa nhận được tiền mặt từ chú Chuyển 1.500.000.000, khi nào chú C đưa, sẽ gửi trả chú D. Hiện đang nợ chú Đang hỏi giùm 1 tỷ 400.40 triệu đồng”. Nhưng do ông C không xoay sở được tiền nên ông C không có số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ, năm trăm triệu đồng) cho chị H vay nên chị H cũng không có tiền để trả cho ông D.

Do đó, ông D phải nhờ đến con trai ông là anh Đoàn Vũ Đ1 gặp chị H để lấy lại số nợ nói trên. Ngày 05/01/2022, tại nhà ông C, giữa anh Đ1 và chị H thỏa thuận và đi đến thống nhất với nội dung “Chị H hiện có nhờ chú D vay hộ số tiền là 1.440.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng), nay nhờ anh Đ1 vay hộ chị số tiền để chị trả cho chú D. Số tiền vay được đảm bảo bằng những giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại Ngân hàng và những giấy đất khác theo thỏa thuận..... Sau khi thỏa thuận xong, ông C là người trực tiếp “Bản thỏa thuận vay tiền”, chị H trực tiếp viết và xác nhận ở phần người vay, cụ thể là “Tôi Huỳnh Ánh H 1982 đã đọc bản thỏa thuận và thừa nhận số tiền chú D vay hộ cho tôi là 1.440 triệu, nay nhờ anh Đ1 con chú D vay hộ để trả tiền trên cho chú D, khi nào anh Đ1 mượn hộ được tôi sẽ trả chú D...”. Nhưng sau đó, anh Đ1 không vay được vì anh Đ1 biết được giá trị của các thửa đất mà chị H thỏa thuận thế chấp ít hơn số tiền giữa anh Đ1 và chị H thỏa thuận nên anh Đ1 không đồng ý vay hộ chị H.

Từ đó, chị H không nói gì với ông D về số nợ mà ông D đi vay từ ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả 01 lần cho ông D số tiền vay gốc là 1.440.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/01/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Ánh H trình bày và yêu cầu phản tố như sau:

Chị H và ông D có mối quan hệ quen biết nhau trong làm ăn. Do cần tiền để sử dụng trong công việc làm ăn, ông D biết được việc chị H cần tiền nên hứa sẽ vay dùm chị H số tiền để chị H sử dụng cho công việc làm ăn.

Ngày 01/01/2022, ông D dẫn chị H đến nhà ông Nguyễn Duy C để ông D hỏi vay tiền dùm chị H. Ông C đồng ý cho chị H vay tiền nhưng phải làm hợp đồng vay vốn, thành phần gồm có ông C là người cho vay, chị H là người vay và ông D là người làm chứng. Nội dung của hợp đồng là ông C cho chị H vay số tiền là 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm triệu đồng*), trong hợp đồng ghi khi giao tiền có sự chứng kiến của ông D, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng, lãi trả định kỳ vào ngày 01 hàng tháng. Sau khi ký hợp đồng, ông C không thực hiện việc giao tiền mà ông C yêu cầu chị H ghi thêm nội dung “*Hiện tại thì chưa nhận tiền từ chú Chuyển 1.500.000.000 đồng, khi chú C đưa, sẽ gửi trả chứ Đang, hiện đang nợ chú Đang 1.400.000.000 đồng*”. Khi ghi xong nội dung theo yêu cầu của ông C thì chị H thấy nội dung này không đúng, lý do là chị H không có nợ ông D số tiền 1.400.000.000 đồng. Do đó, chị H phản đối và không đồng ý ký tên. Đồng thời, phát hiện ông C và ông D có dấu hiệu lừa đảo chị H.

Ngoài ra, vào ngày 29/11/2021, ông D có đến nhà ông C để vay số tiền 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*), ông D có làm biên nhận cho ông C, chị H là người chứng kiến, ông D nhận tiền từ ông C. Sau đó, ông D và ông C nhờ chị H ký xác nhận là người làm chứng và yêu cầu chị H ghi thêm “*Người nhận đủ 450.000.000 đồng*”. Số tiền này là ông D vay của ông C, không liên quan gì đến chị H.

Sau khi giao dịch giữa ông C, ông D và chị H không thực hiện được thì anh D1 (*con trai ông D*) biết chị H đang cần tiền để sử dụng nên anh D1 hứa sẽ vay dùm chị H để chị H sử dụng vào công việc làm ăn. Anh D1 ra điều kiện với chị H phải làm bản thỏa thuận vay tiền với nội dung là chị H có nhờ ông D vay dùm chị H 01 khoản tiền để anh D1 có lý do vay dùm chị H để chị H trả khoản tiền mà ông D vay hộ chị H, nội dung này là giả tạo nhằm đặt ra để anh D1 vay tiền dùm chị H.

Ngày 05/01/2022, anh D1 chuẩn bị sẵn bản thỏa thuận vay tiền, thành phần ông D1 là đại diện bên cho mượn tiền, chị H là người vay và nội dung là chị H có nhờ ông D vay dùm số tiền 1.440.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) nay nhờ anh D1 vay dùm chị H số tiền để trả cho ông D với điều kiện khi nào anh D1 vay được tiền thì chị H sẽ trả cho ông D. Số tiền vay được đảm bảo bằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị H đang thế chấp tại Ngân hàng và những giấy khác theo thỏa thuận. Anh D1 yêu cầu chị H đến nhà ông C để ký văn bản nêu trên. Trước khi ký bản thỏa thuận, chị H có ý kiến về nội dung bản thỏa thuận nhưng được ông C và anh D1 nói là không có gì, do chị H quá tin tưởng vào

ông C và anh Đ1 nên chị H đồng ý ký tên và ghi nội dung ở phần người vay vào bản thỏa thuận để được vay tiền.

Sau khi ký bản thỏa thuận với anh Đ1 thì anh Đ1 không thực hiện việc vay tiền dùm chị H. Nhưng đến ngày 07/01/2022 anh Đ1 đến gặp chị H và yêu cầu chị H trả cho ông Đ số tiền 1.440.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng*). Lúc này, chị H phát hiện anh Đ1 có dấu hiệu nhằm lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của chị H.

Chị H xác nhận, chị có viết nội dung và ký tên vào Bản thỏa thuận vay tiền với anh Đ1 vào ngày 05/01/2022 và Hợp đồng vay vốn với ông Nguyễn Duy C vào ngày 01/01/2022 nhưng các nội dung chị viết nói trên hoàn toàn là giả tạo. Mục đích chị H viết 02 nội dung xác nhận nêu trên và ký tên là để ông C và anh Đ1 vay tiền dùm chị H để làm ăn. Chị H khẳng định từ trước đến nay, chị H chưa nhận tiền mặt hay nhận chuyển tiền qua tài khoản từ ông Đ.

Việc ông Đ khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền vay gốc là 1.440.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 05/01/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi vì chị không có nhận số tiền vay nói trên từ ông Đ.

Do đó, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy bỏ toàn bộ Hợp đồng vay vốn lập ngày 01/01/2022 giữa chị và ông C.
- Hủy bỏ toàn bộ bản thỏa thuận vay tiền lập ngày 05/01/2022 giữa chị và anh Đ1.
- Hủy bỏ một phần ký xác nhận có nội dung “Người nhận đủ 450 triệu đồng” lập ngày 29/11/2021 giữa ông C và ông Đ.
- Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Đ đối với chị.

* Trong quá trình giải quyết, người làm chứng ông Nguyễn Duy C khai như sau:

Ông C xác nhận, giữa ông với ông Đ, chị H chỉ là mối quan hệ quen biết, không có họ hàng với nhau và từ trước đến nay cũng không có mâu thuẫn gì. Hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2022 và Bản thỏa thuận vay tiền ngày 05/01/2022 nói trên là do ông C trực tiếp viết. Đồng thời, ông C xác nhận nội dung viết thêm phần người vay là do chị H trực tiếp viết và ký tên sau khi đã thỏa thuận, không bị ai ép buộc.

Trước đó, ông C được biết chị H và ông Đ có làm ăn với nhau và có nghe anh Đ1 (*Con trai ông Đ*) nói lại với ông là ông Đ có vay tiền của nhiều người để làm ăn, trong đó có làm ăn chung với chị H, chị H cũng có nhờ ông Đ vay tiền để làm ăn.

Sau khi anh **Đ1** biết được việc ông **Đ** hỏi vay tiền của nhiều người thì anh **Đ1** có đến nhà gặp ông **C** để hỏi thăm và bàn bạc cách giải quyết.

Ngày 01/01/2022, tại nhà ông **C**, có mặt chị **H**, ông **Đ** cùng thỏa thuận và làm “*Hợp đồng vay vốn*” nội dung là ông **C** cho chị **H** vay số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) để chị **H** trả tiền cho ông **Đ**, mục đích viết hợp đồng này là để hai bên tin tưởng nhau, chị **H** ký tên vào phần “người vay” nhưng thực tế ông **C** không có giao tiền cho chị **H** như nội dung hợp đồng ghi. Mục đích lập ra bản hợp đồng này là để cho chị **H** xác nhận có nợ ông **Đ** số tiền mà ông **Đ** hỏi vay từ chị **H**, chứ ông **C** không có tiền để cho chị **H** vay,

Đối với nội dung xác nhận ở phần người vay là do chị **H** trực tiếp viết sau khi tính toán các khoản nợ với ông **Đ** và tự nguyện ghi không bị ai ép buộc.

Ngày 05/01/2022, anh **Đ1** và chị **H** gặp nhau tại nhà ông **C**, không có mặt ông **Đ**...sau khi thỏa thuận thì có nhờ ông **C** viết “*Bản thỏa thuận vay tiền*” với nội dung là chị **H** có nhờ ông **Đ** vay từ số tiền 1.440.000.000 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) và nhờ anh **Đ1** vay tiền để chị **H** trả cho ông **Đ**, đồng thời chị **H** và anh **Đ1** còn thỏa thuận việc đảm bảo số tiền vay bằng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị **H**...Sau khi thống nhất, ông **C** viết bản thỏa thuận thì chị **H** có đọc lại và trực tiếp viết nội dung xác nhận nợ với ông **Đ** ở phần người vay và việc chị **H** viết thêm là tự nguyện không bị ai ép buộc.

Ông **C** khẳng định, “*Hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2021*” được lập ra mục đích là để chị **H** xác nhận nợ với ông **Đ**, còn nội dung ông **C** cho chị **H** vay tiền là hoàn toàn giả tạo.

****Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09A/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:***

1. Chấp nhận yêu cầu của ông **Đ** về số tiền vay gốc và 01 phần yêu cầu về tiền lãi phát sinh. Buộc chị **H** trả cho ông **Đ** số tiền gốc và lãi từ ngày 05/01/2022 đến ngày 02/3/2023 là **1.605.336.000 đồng** (*Một tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc 1.440.000.000 đồng và tiền lãi là 165.336.000 đồng.

2. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của chị **Huỳnh Ánh H**. Hủy toàn bộ “*Hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Duy C và chị Huỳnh Ánh H ngày 01/01/2022*”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 17/3/2023 bị đơn chị **Huỳnh Ánh H** kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy bỏ toàn bộ Bản thỏa thuận vay tiền lập ngày 05/01/2022 do bản thỏa thuận là giả tạo; hủy bỏ một phần ký xác nhận có nội dung “*Người nhận đủ 450.000.000 đồng*” đề Tân Thành ngày 29/11/2021 do **Huỳnh Ánh H** ký với tư

cách là người làm chứng trong giấy nhận tiền giữa ông Nguyễn Duy C và ông Đoàn Vũ Đ lập ngày 29/11/2021 do giấy nhận tiền giữa ông Nguyễn Duy C và ông Đoàn Vũ Đ là đối tượng khởi kiện, đã được Tòa án xét xử và bản án có hiệu lực pháp luật; bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Vũ Đ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, Luật sư B tranh luận cho rằng: Hai văn bản ngày 01/01 và ngày 05/01 đều có nội dung tương đồng như nhau. Nội dung xác nhận nợ không tách rời nội dung cho vay. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định văn bản ngày 01/01 cho vay tiền là giả tạo, nhưng lại chấp nhận việc cho vay nợ theo văn bản ngày 05/01 là không phù hợp. Về nguồn tiền và số tiền cho vay Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ. Việc ông Đ cho chị H vay tiền đều không có biên nhận, qua đoạn băng ghi âm giữa ông Ba C1 với ông Đ thì thể hiện phía ông Đ không có cho chị H vay tiền. Việc chị H ký biên nhận nợ 450 triệu của ông C là với tư cách người làm chứng, số tiền này chị H không có nhận và vay tiền. Về nguồn tiền ông Đ đi vay cho chị H vay lại cũng không phù hợp, nên văn bản vay ngày 05/01 là giả tạo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của chị H, hủy văn bản ngày 05/01 là do giả tạo và hủy văn bản số tiền vay 450 triệu mà chị H ký với tư cách người chứng kiến ông Đ vay, bác toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn; Luật sư, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H có nhờ ông Đ vay tiền ông C 300.000.000 đồng lần 1 dù là sự thật và theo chị là đã trả cho ông C xong, thể hiện qua biên bản đối chất ngày 19/4/2022 (bút lục 71). Về phía chị H có lời khai thừa nhận mình có viết nội dung và ký tên vào biên bản thỏa

thuận vay tiền với anh Đ1 ngày 05/01/2022 và hợp đồng vay tiền với ông C ngày 01/01/2022 nhưng cho rằng đây là hợp đồng giả tạo. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng ngày 01/01/2022 là giả tạo do ông C có lời khai là chưa đưa tiền cho chị H vay, đồng thời cho rằng việc chị H nhờ ông Đ vay tiền dùm và ký nhận nợ ngày 05/01/2022 là có thật và xử buộc chị H trả nợ cho ông Đ, phía chị H kháng cáo cho rằng hợp đồng vay tiền vào ngày 05/01/2022 cũng là giả tạo và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm phía chị H cung cấp thêm chứng cứ mới chứng minh là file ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông Đ với ông Đinh Minh H1 (tự Ba Cui) và bản dịch thể hiện việc ông Đ không lấy tiền cho chị H1 vay và theo chị trình bày là File ghi âm này do ông Đ đưa sau khi xét xử sơ thẩm nên chị không cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm được, đồng thời phía anh Đ1 cũng cung cấp thêm file ghi âm và bản dịch để chứng minh việc chị H1 có nhờ ông Đ vay tiền dùm. Xét các bản ghi âm kèm bản dịch này của các bên đương sự cung cấp tại giai đoạn xét xử phúc thẩm có nội dung không làm thay đổi bản chất vụ kiện mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định.

[2] Hội đồng xét xử căn cứ vào nội dung hợp đồng vay vốn ngày 01/01/2022 thể hiện việc chị H1 là người vay tự ghi nội dung: "*Hiện tại thì chưa nhận tiền mặt từ chú Chuyển 1.500.000.000 đồng, khi nào chú C đưa sẽ gửi trả chú Đ. Hiện đang nợ chú Đang hỏi giùm 1 tỷ 400 trăm 40 triệu đồng*" (bút lục 47). Do ông C thừa nhận chưa đưa tiền cho chị H1 vay vốn nên hợp đồng này không có giá trị và vô hiệu phần này là phù hợp Điều 130 Bộ luật dân sự 2015, tuy nhiên phần nội dung chị H1 tự ghi vẫn được xem là chứng cứ để Hội đồng xét xử đánh giá sự thật khách quan của vụ kiện. Xét bản thỏa thuận vay tiền ngày 05/01/2022, phía chị H1 tự ghi nội dung: "*Tôi là Huỳnh Ánh H 1982 tôi đã đọc bản thỏa thuận và thừa nhận số tiền chú Đ vay hộ cho tôi là 1.440 triệu (1 tỷ 400. 40 triệu) nay nhờ anh Đ1 con chú Đang vay hộ để trả số tiền trên cho chú Đang, khi nào anh Đ1 mượn hộ được, tôi sẽ trả chú Đ*" (bút lục 49). Như vậy căn cứ vào nội dung chị H tự ghi đã thể hiện việc chị H nhờ ông Đ vay dùm số tiền 1.440.000.000 đồng là sự thật. Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc chị H trả nợ cho ông Đ số tiền 1.440.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là phù hợp chứng cứ trong hồ sơ, nên không có cơ sở pháp lý để chấp nhận nội dung kháng cáo của chị H.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị H và quan điểm tranh luận của Luật sư B, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc bác nội dung kháng cáo của chị H và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm, chị H phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn chi **Huỳnh Ánh H.**

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09A/2023/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông **Đ** về việc đòi nợ số tiền vay gốc và 01 phần yêu cầu về tiền lãi phát sinh.

2. Buộc chi **Huỳnh Ánh H** có nghĩa vụ trả cho ông **Đoàn Vũ Đ** số tiền nợ gốc và lãi từ ngày 05/01/2022 đến ngày 02/3/2023 là 1.605.336.000 đồng (*Một tỷ, sáu trăm lẻ năm triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc vay gồm 1.440.000.000 đồng và tiền lãi là 165.336.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Chấp nhận 01 phần yêu cầu phản tố của chi **Huỳnh Ánh H.**

4. Hủy toàn bộ “*Hợp đồng vay tiền giữa ông Nguyễn Duy C và chi Huỳnh Ánh H xác lập ngày 01/01/2022*”.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chi **H** phải chịu nộp tiền án phí giá ngạch là 60.160.080 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chi **H** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009660 ngày 12/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Chi **H** còn phải nộp thêm số tiền 59.860.080 đồng (năm mươi chín triệu tám trăm sáu mươi ngàn không trăm tám mươi đồng).

Nguyên đơn ông **Đ** không phải chịu nộp tiền án phí. Hoàn trả cho ông **Đ** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 27.600.000 đồng theo biên lai thu số 0001006 ngày 21/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chi **H** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chi **H** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005488 ngày 28/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

Thẩm phán **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

L1

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Rạch Giá;
- CCTHADS Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán Thẩm phán Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Lâm S

